Ký bởi: Sở Y tế
Cơ quan: Tỉnh Quảng Ngãi
Thời gian ký: 05-11-2026 11:07:25

Phụ lục

THUYẾT MINH DỰ KIẾN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ HẰNG THÁNG ĐỐI VỚI NHÂN VIÊN Y TẾ THÔN, TỔ DÂN PHỐ VÀ CÔ ĐỠ THÔN, BẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ

1. Nghị định số 192/2026/NĐ-CP ngày 30/5/2026 của Chính phủ quy định một số chế độ phụ cấp đặc thù trong lĩnh vực y tế; hỗ trợ hằng tháng đối với nhân viên y tế thôn, tổ dân phố và cô đỡ thôn, bản.

2. Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16/10/2025 của Chính phủ về phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026–2030.

3. Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III giai đoạn 2026–2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

4. Quyết định số 629/QĐ-UBND ngày 15/8/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt điều chỉnh thôn vùng dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

5. Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2021 – 2025.

6. Quyết định số 1592/QĐ-UBND ngày 31/12/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về cõgn nhận xã đảo và xã an toàn khu trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

II. THUYẾT MINH DỰ KIẾN KINH PHÍ

1. Tổng kinh phí dự kiến thực hiện chính sách hỗ trợ đối với nhân viên y tế thôn, tổ dân phố; cô đỡ thôn, bản là **26.941.464.000 đồng/năm (hai mươi sáu tỷ chín trăm bốn mốt triệu bốn trăm sáu mươi bốn ngàn đông/năm)**, tính theo mức lương cơ sở 2.530.000 đồng/tháng, số lượng đối tượng dự kiến và hệ số hỗ trợ tương ứng trong 12 tháng. Số liệu này chưa bao gồm kinh phí riêng đối với cô đỡ thôn, bản (nếu có).

2. Theo quy định tại điểm a Điều 7 Nghị định số 192/2026/NĐ-CP, mức hỗ trợ bằng 0,7 lần mức lương cơ sở áp dụng đối với nhân viên y tế thôn, tổ dân phố và cô đỡ thôn, bản làm việc tại các thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên; các thôn, bản tại các xã vùng khó khăn theo quy định của Chính phủ; các tổ dân phố, khu phố có từ 500 hộ gia đình trở lên. Mức hỗ trợ bằng 0,5 lần mức lương cơ sở áp dụng đối với các thôn, bản, tổ dân phố còn lại.

Qua tổng hợp, toàn tỉnh có 1.098 thôn, làng, tổ dân phố, dự kiến bố trí 1.294 nhân viên y tế; trong đó 1.202 người thuộc nhóm áp dụng mức hỗ trợ 0,7 lần mức lương cơ sở và 92 người thuộc nhóm áp dụng mức hỗ trợ 0,5 lần mức lương cơ sở, cụ thể:

TT	Phân loại địa bàn	Số thôn, tổ dân phố	NVYT thôn, tổ dân phố	Hệ số hỗ trợ	Tiền chi hằng tháng (ĐVT đồng)
I	**Tổ dân phố**	**132**	**172**		**295.504.000**
1	Tổ dân phố trên 1000 hộ	40	80	0,7	141.680.000
2	Tổ dân phố từ 500 hộ đến dưới 1000 hộ trên 500 hộ	74	74	0,7	131.054.000
3	Tổ dân phố dưới 500 hộ	18	18	0,5	22.770.000
II	**Thôn, bản, làng**	**966**	**1.122**		**1.949.618.000**
1	Thôn bản, làng trên 700 hộ	156	312	0,7	552.552.000
2	Thôn, bản, làng từ 350 hộ đến dưới 700 hộ	344	344	0,7	609.224.000
3	Thôn làng dưới 350 hộ	466	466		787.842.000
	- Thôn làng dưới 350 hộ không thuộc xã khó khăn	74	74	0,5	93.610.000
	- Thôn làng dưới 350 hộ thuộc xã khó khăn	392	392	0,7	694.232.000
	Tổng	**1.098**	**1.294**		**2.245.122.000**

Đối với 392 thôn, làng có dưới 350 hộ gia đình được tổng hợp thuộc xã vùng khó khăn, việc dự kiến áp dụng mức hỗ trợ 0,7 lần mức lương cơ sở căn cứ tiêu chí địa bàn quy định tại Nghị định số 192/2026/NĐ-CP, không phụ thuộc số hộ gia đình.

Trên cơ sở số lượng đối tượng và hệ số hỗ trợ nêu trên, kinh phí dự kiến được tổng hợp như sau:

STT	Nội dung	Số nhân viên y tế	Kinh phí dự kiến (tỷ đồng/năm)
1	Nhân viên y tế tổ dân phố	172	3,546
2	Nhân viên y tế thôn	1.122	23,395
	Tổng cộng	**1.294**	**26,941**